

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TÁU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 09-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Quỳnh Nga;
- Ông Vũ Hoàng Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái.

Thư ký được phân công hỗ trợ tổ chức phiên toà: Bà Hà Thị Hồng T- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu tham gia phiên toà: Ông Hà Tiến Hùng- Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên được phân công hỗ trợ tổ chức phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải G- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái (thành phần gồm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu) và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (thành phần gồm: Thư ký được phân công hỗ trợ tổ chức phiên toà thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Bình; Kiểm sát viên được phân công hỗ trợ tổ chức phiên toà thuộc Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình; cán bộ, sỹ quan, chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ, cảnh sát hỗ trợ; bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Hà Văn T1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2003 tại huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H và bà Lò Thị N; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-9-2024, bị tạm giam từ ngày 13-9-2024; “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Lò Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Hà Văn T1 gặp một người phụ nữ dân tộc Mông, qua trao đổi T1 đã mua của người này 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được T1 cất giấu vào trong túi quần đang mặc và quay về nhà. Khi T3 về đến thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái thì bị Công an xã H, huyện T phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 01 gói Heroine được bị cáo T1 cất giấu trong túi quần, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng trắng, nhãn hiệu Iphone và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, biển số 21 K1-450.92. Công an xã H đã bàn giao Hà Văn T1 và các tài liệu liên quan đến Công an huyện Trạm Tấu để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 10-9-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Văn T1 tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Bản kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Chất bột nén màu trắng thu giữ của Hà Văn T1 có khối lượng là 0,24 gam. 0,08 gam trích từ 0,24 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Heroine (Heroin), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục ma túy và tiền chất.

Bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS-TT ngày 24-02-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Hà Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn T1 khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo đã thực hiện vào ngày 10-9-2024 như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; đối với chiếc xe máy biển số 21 K1-450.92 bị Công an thu giữ, chiếc xe này là do bị cáo mượn của Lò Văn T2, việc bị cáo sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy anh T2 không biết; đối với chiếc điện thoại Iphone đã cũ là của bị cáo, không liên quan đến việc bị cáo tàng trữ ma túy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, biển số 21 K1-450.92

Công an đã thu giữ, vì chiếc xe này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh, việc bị cáo T1 mượn sau đó sử dụng vào việc tàng trữ ma túy anh không biết.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm ổn định, bản thân và gia đình không có tài sản có giá trị đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu và tiêu hủy 0,16 gam Heroine được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh Y phát hành; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong và nilon gói; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng trắng, nhãn hiệu Iphone, đã cũ; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T2 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX màu sơn xanh đen, biển số 21 K1-450.92, đã cũ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Hà Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, bị cáo Hà Văn T1 không có ý kiến bào chữa, không tranh luận với Kiểm sát viên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Hà Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 10-9-2024 tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Bị cáo Hà Văn T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,24 gam Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an xã H, huyện T phát hiện bắt quả tang. Hành vi tàng trữ 0,24 gam Heroine của bị cáo Hà Văn T1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Bị cáo Hà Văn T1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, lan tràn tệ nạn nghiện chất ma túy và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân: Bị cáo Hà Văn T1 là đối tượng nằm trong diện quản lý của Công an xã H, là đối tượng nghi nghiện chất ma túy, vì vậy cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử cân nhắc khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh tài sản và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có công việc ổn định, bản thân và gia đình không có tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với 0,24 gam Heroine thu giữ khi bắt bị cáo. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã lấy 0,08 gam Heroine làm mẫu vật giám định. Số Heroine còn lại là 0,16 gam được cho vào 01 túi nilon màu trắng và được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 xe máy, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 21K1-450.92, đã cũ thu giữ khi bắt quả tang bị cáo. Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lò Văn T2, việc bị cáo sử dụng chiếc xe đi mua ma túy anh T2 không biết và không có lỗi. Tại phiên tòa anh T2 đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô trên. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của anh T2 phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu vàng trắng, nhãn hiệu Iphone, đã cũ thu giữ khi bắt quả tang của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội. Do đó, cần trả lại bị cáo chiếc điện thoại đã thu giữ.

- Đối với 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong bên trong có mảnh nilon là vật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không có giá trị hoặc không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[10] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ, theo lời khai của bị cáo Hà Văn T1, thì số Heroine này bị cáo mua của một người phụ nữ không quen tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người đã bán ma túy cho bị cáo, nên không có căn cứ xem xét, xử lý trong vụ án.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo bị kết án, phải chịu hình phạt và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 10-9-2024.

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án:

Căn cứ các điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 0,16 gam Heroine được cho vào 01 túi nilon màu trắng và được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong bên trong có mảnh nilon gói.

- Trả lại bị cáo Hà Văn T1 01 điện thoại di động, màu vàng trắng, nhãn hiệu Iphone, đã cũ; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T2 01 xe máy, màu sơn xanh đen, biển số 21K1- 450.92, đã cũ.

Các vật chứng có đặc điểm được mô tả như trong biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa cơ quan Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

